TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2024/DS-ST
Ngày: 15-4-2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Yến Nhi
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Vũ.
2. Bà Trương Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Song Yến – Thư ký Tòa án nhân thị xã L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 332/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Bà **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm 2003;
Địa chỉ: Thôn Phước Hải, xã A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H,** sinh năm: 1970; Địa chỉ: Thôn Phước Hải, xã A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Theo Giấy ủy quyền số No-13322 ngày 16/3/2024 của Văn phòng công chứng L).

- *Bị đơn***:** Ông **Nguyễn Đ**, sinh năm: 1969
Địa chỉ: Thôn B, xã A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:** Bà **Lê Thị D**, sinh năm: 1972
Địa chỉ: Thôn B, xã A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(Bà H có mặt, ông Đ, bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2023 và trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Mỹ Ttrình bày:*

Tại đơn khởi kiện thể hiện, ngày 27/10/2022, bà Tcó cho ông Nguyễn Đ vay số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, với lãi suất 1.6%/tháng, thời hạn vay 01 năm (ngày đến hạn là 26/10/2023). Cùng ngày, các bên có lập Hợp đồng vay tiền, công chứng tại Văn phòng công chứng L theo số công chứng No 08095, quyển số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Trong quá trình vay, ông Đ đã trả cho bà tiền lãi của tháng đầu tiên là 32.000.000 đồng (theo lãi suất 1.6%/tháng), những tháng tiếp theo ông Đ trốn tránh, không thực hiện việc trả lãi cho bà. Đến hạn trả tiền gốc, ông

Nguyễn Đ không trả nợ theo thỏa thuận mặc dù bà T rất nhiều lần yêu cầu. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đ phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 2.000.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất trong hạn theo thỏa thuận trong thời gian 11 tháng, từ ngày 27/11/2022 đến ngày 26/10/2023 với lãi suất 1%/tháng, tương ứng với số tiền lãi là 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng. Như vậy tổng số tiền ông Nguyễn Đ phải trả cho bà T là 2.220.000.000 (Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu) đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Đ: Quá trình giải quyết, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do. Tại biên bản xác minh nơi cư trú, địa phương cung cấp, ông Đ đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 3 năm 2023. Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng (thông báo thụ lý, thời gian làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thời gian vụ án được đưa ra xét xử) cho bị đơn theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trình bày: Bà và ông Nguyễn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà không biết và cũng không tham gia vào việc vay tiền giữa ông Đ và bà Nguyễn Thị Mỹ T, nay bà T yêu cầu ông Đ trả lại số tiền vay thì bà không có ý kiến gì và xin vắng mặt trong suốt thời gian Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến phiên tòa do đó đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 2.000.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn trong vòng 11 tháng với lãi suất 1%/tháng, tổng cộng là số tiền 2.220.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T thì quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Do bị đơn cư trú tại Thôn B, xã A, thị xã L nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Nguyễn Đ vắng mặt, không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về khoản nợ gốc: Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Tại Hợp đồng vay tiền, công chứng tại Văn phòng công chứng L theo số công chứng No 08095, quyển số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/10/2022 do nguyên đơn cung cấp và theo lời trình bày của nguyên đơn thể hiện bà T cho ông Nguyễn Đ vay số tiền là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất thỏa thuận là 1.6%/tháng. Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Đ nhiều lần đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn không hợp tác, không đến Tòa trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó thể hiện bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án.

Xét Hợp đồng vay tiền giữa các bên phù hợp quy định pháp luật, tại thời điểm giao kết chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, hình thức của hợp đồng được lập bằng văn bản, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Cho đến nay bị đơn đã vi phạm về thời hạn trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả nợ gốc 2.000.000.000 đồng cũng như tiền lãi trong hạn chưa trả là có căn cứ.

- Về yêu cầu tiền lãi: Căn cứ khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi trong hạn trong thời gian 11 tháng, tương ứng với mức lãi suất 1%/tháng (12%/năm) là phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi trong 11 tháng (tính từ ngày 27/11/2022 đến 26/10/2023) là 2.000.000.000 đồng x 1% x 11 tháng = 220.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xét thấy việc bà T khởi kiện ông Nguyễn Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Nguyễn Đ phải trả cho bà T số tiền là 2.220.000.000 (Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu) đồng**.**

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 01 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 02 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 03 Điều 26; Điểm a khoản 01 Điều 35; Khoản 01 Điều 39; Khoản 01 Điều 147; Điểm b khoản 02 Điều 227; Khoản 03 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117; Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T

Buộc ông Nguyễn Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền là 2.220.000.000 (Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu) đồng. Trong đó, tiền gốc là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng và tiền lãi trong hạn là 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đ phải nộp 76.400.000 (Bảy mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ T số tiền 38.200.000 (Ba mươi tám triệu hai trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016888 ngày 16/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L

Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã L;
- Chi cục THA dân sự thị xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đào Thị Yến Nhi